# Tiết 92-93 . BÀI 31: MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Nhận biết được tỉ số phần trăm của hai số và của hai đại lượng (cùng loại, cùng đơn vị đo)

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, tự chủ; giao tiếp, hợp tác

**- Năng lực riêng:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn

 + Tính tỉ số hay số phần trăm của hai số, hai đại lượng

+ Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số, tỉ số phần trăm

**3. Phẩm chất**

- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

- Giáo dục ý thức tiết kiệm, thói quen ăn uống lành mạnh, khoa học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Gv cần tìm hiểu thêm một số nội dung như lãi suất tín dụng, nồng độ dung dịch, thành phần các chất, lợi nhuận-thua lỗ, giảm giá khuyến mại;... để có thể giải thích ngắn gọn, dễ hiểu cho HS. Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị một điện thoại thông minh có tải phần mềm Plickers, mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS (https://grt.plickers.com/)

**2. Đối với học sinh:** Đồ dùng học tập (vở nháp, bút,...)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: *Ở tiểu học chúng ta đã làm quen với tỉ số và tỉ số phần trăm. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về hai khái niệm này và cách giải quyết một số bài toán có liên quan thường gặp trong thực tế đời sống, chẳng hạn lãi suất tín dụng, thành phần các chất trong Hóa học, giảm giá, lợi nhuận-thua lỗ,…*

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tỉ số và tỉ số phần trăm**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được khái niệm tỉ số của hai số tùy ‎y

- Cách viết tỉ số dưới dạng phần trăm (cách tính tỉ số phần trăm của hai số thập phân đã cho)

- Giải quyết bài toán thực tế

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HĐ1: Gv gọi 1 hs lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.

- HĐ2: GV chú ‎ hs 2,6 không phải là số tự nhiên. Gv trình bày văn bản trong hộp kiến thức

+ GV nhấn mạnh chỉ yêu cần viết tỉ số (không yêu cầu tính)

+ GV giảng ngắn gọn, hs chép kiến thức vào vở. Yêu cầu 1 hs đứng tại chỗ đọc lại để kiểm tra

- Chú y: GV nhấn mạnh để hs nắm rõ tỉ số phần trăm chỉ là một cách viết đặc biệt của tỉ số và được sủ dụng thường xuyên. Tuy nhiên, trong thực tế chỉ cần viết tỉ số của hai số nhưng khi viết tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm thì phải tính chứ không chỉ là viết

- Câu hỏi: Hs tự làm. GV gọi 1 hs lên bảng làm và chữa cho cả lớp

- VD1: HS tự làm. GV chữa

- Vận dụng 1: GV có thể dùng ứng dụng Plickers để thống kê nhanh kết quả làm bài của HS

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**Hoạt động 2: Hai bài toán về tỉ số phần trăm**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được cách tìm phần trăm của một số cho trước

- Vận dụng vào một số bài toán thực tế

- Cách tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nhắc lại ngắn gọn hai bài toán về phân số đã học trong bài 27, chương VI

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách tìm $\frac{m}{n}$ của một số a đã cho. Viết công thức tính lên bảng

- Tiếp tục yêu cầu HS đọc công thức tính$ \frac{m}{100}$ của một số a để đi tới kết luận nêu trong hộp kiến thức.

- Yêu cầu HS ghi nội dung hộp kiến thức vào vở

- VD2: HS làm bài. GV có thể sử dụng Plickers để thống kê nhanh kết quả. Gv có thể cung cấp thêm kiến thức về lãi suất tín dụng

- Vận dụng 2: GV nên cung cấp thêm thông tin về thành phần không khí. HS làm bài. Nếu có điều kiện, GV sử dụng Plickers, để thống kê nhanh kết quả.

- Hộp kiến thức: GV có thể yêu cầu HS nhắc lại cách tìm một số khi biết $\frac{m}{n}$ của số đó bằng b đã cho Viết công thức tính lên bảng rồi yêu cầu HS đọc công thức tìm số mà $ \frac{m}{100}$ của số đó là b. GV tổng kết và yêu cầu HS ghi đầy đủ hộp kiến thức vào vở.

- VD3: GV cung cấp thêm một cách ngắn gọn: khi kinh doanh thì sẽ cần đến vốn. Nếu kết quả kinh doanh (tiền thu được) cao hơn vốn thì kinh doanh có lãi: *tiền lãi = tiền thu được – tiền vốn.*

Ngược lại, nếu tiền thu được ít hơn tiền vốn thì kinh doanh thua lỗ: *tiền lỗ = tiền vốn – tiền thu được*

- Vận dụng 3:Đây là một bài toán quen thuộc với HS, CV có thể cho HS tự làm tại lớp. Nếu có điều kiện, CV sử dụng Plickers để thống kê nhanh kết quả.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

 **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* HS làm bài tập 7.17, .7.18, 7.19

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7.17: Tính:**a.25% của 8;            b.7,5% của 180.**Câu 7.18:** Lãi suất tiền gửi kì hạn một năm của một ngân hàng là 7,4 % .Bác Đức gửi 150 triệu vào ngân hàng đó. Sau một năm , bác Đức rút cả vỗn lẫn lãi thì nhận được bao nhiêu tiền?**Câu 7.19:** Gía niêm yết của một chiếc điện thoại di động là 625 nghìn đồng .Trong chương trình khuyến mại, mặt hàng này được giảm giá 10%.Như vậy, khi mua một chiếc điện thoại loại này người mua được giảm bao nhiêu tiền ? | **Câu 7.17:**a.25% của 8= 25%.8=2;            b.7,5% của 180=75%.180=135**Câu 7.18:**Sau một năm , bác Đức rút cả vỗn lẫn lãi thì nhận được số  tiền là :150.7,4%+150=150.(1+7,4%)= 161,1( triệu đồng ).**Câu 7.19:**Khi mua một chiếc điện thoại loại này người mua được giảm số tiền là:625.10%=62,5 ( nghìn đồng). |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: :* HS làm bài tập 7.20

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7.20:** Theo Tổng cục Thống kê, năm 1989 cả nước có 914 396 người dân tộc Mường.Sau 10 năm số người Mường đã tăng lên thành 1 137 515 người.Em hãy cho biết trong 10 năm đó , số người Mường ở Việt Nam đã tăng bao nhiêu phần trăm?(làm tròn kết quả tới hàng phần mười). | **Câu 7.20:**Trong 10 năm , số người Mường ở Việt Nam tăng số người là:1 137 515-914 396=223 119 ( người)Trong 10 năm , số người Mường ở Việt Nam tăng số phần trăm là :(223 119 : 1 137 515).100%=19,6% |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**\* RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**

# ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................